

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1658/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu P

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nở

2/ Ông Phạm Văn Hề

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị TH – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/4/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 8 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án): bà Nguyễn Thanh Ng, sinh năm 1994 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: Phường 11, Quận 5, Thành phố H (Theo giấy ủy quyền số 000041 quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/01/2022).

Bị đơn: Bà Lê Thị Huỳnh H, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: 1209 Fountain View Drive Lawrenceville GA 30043, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông và bà Lê Thị Huỳnh H kết hôn vào năm 2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 242, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2009.

Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc bình thường tại địa chỉ phường B, quận B, Thành phố H, đến năm 2019 hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống và hai bên quyết định sống ly thân với nhau từ tháng 01/2019 đến nay. Tháng 2/2019 bà H đi nước ngoài sinh sống và làm việc và không quay trở về Việt Nam nên tình trạng mâu thuẫn giữa hai

vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Huỳnh H..

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H trình bày tại bản tự khai ngày 07/7/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco H Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 398-08/HPHLS ngày 18/8/2022 có nội dung như sau: bà và ông Nguyễn Văn P kết hôn năm 2009 theo giấy chứng nhận kết hôn số 242, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2009.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn bà thống nhất như trình bày của ông Nguyễn Văn P. Bà được biết ông Nguyễn Văn P đang yêu cầu ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn P bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn P

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H đang cư trú tại H Kỳ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, bị đơn bà Lê Thị Huỳnh H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 242, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/12/2009 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Huỳnh H trình bày: Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc bình thường tại địa chỉ phường B, quận B, Thành phố H, đến năm 2019 hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống và hai bên quyết định sống ly thân với nhau từ tháng 01/2019 đến nay. Tháng 2/2019 bà H đi nước ngoài sinh sống và làm việc và không quay trở về Việt Nam nên tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Nay ông P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Huỳnh H. Về phía bà Lê Thị Huỳnh H có bản tự khai ngày 07/7/2022 được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco H Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự số 398-08/HPHLS ngày 18/8/2022, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn P.

Xét thấy, vợ chồng có quyền, nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, xây dựng gia đình hạnh phúc, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Do điều kiện khách quan nên thực tế vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Huỳnh H đã không còn chung sống dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Văn P xin ly hôn và bà Lê Thị Huỳnh H đồng ý thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Không có

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị Huỳnh H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Huỳnh H.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Văn P phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền ông Nguyễn Văn P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001961 ngày 08/4/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Ông Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Bà Lê Thị Huỳnh H được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu P

